|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH  **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II MÔN TOÁN 8**  **NĂM HỌC 2024-2025**  *Thời gian làm bài*: *90 phút* (*Không tính thời gian phát đề)* |

**HÌNH THỨC: 30% Trắc nghiệm + 70% Tự luận**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề/ Chương** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Phân thức đại số** | - Phân thức đại số.  - Tính chất cơ bản của phân thức đại số.  - Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia các phân thức đại số | 2TN  (0,5đ) |  |  | 1TL  (1,5đ) |  |  |  | 1TL\*  (1,0đ) | **20% - 30%** |
| **2** | **Phương trình bậc nhất và hàm số bậc nhất** | - Phương trình bậc nhất một ẩn.  - Giải bài toán bằng cách lập phương trình.  - Hàm số bậc nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất. | 4TN  (1,0đ) | 1TL  (1,0đ) |  |  |  | 1TL  (1,0đ) |  | 1TL\*  (1,0đ) | **30% - 40%** |
| **3** | **Mở đầu về tính xác suất của biến cố** | - Kết quả có thể, kết quả thuận lợi.  - Tính xác suất của biến cố bằng tỉ số. | 2TN  (0,5đ) |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| **4** | **Tam giác**  **đồng dạng** | - Hai tam giác đồng dạng.  - Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác.  - Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông.  - Hình đồng dạng.  - Định lý Pythagore và ứng dụng. | 2TN  (0,5đ) |  |  | 1TL  (1,5đ) |  | 1TL  (1,0đ) |  |  | **30%** |
| **5** | **Một số hình khối trong thực tiễn** | Hình chóp tam giác đều, hình chóp tứ giác đều. | 2TN  (0,5đ) |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| **Tổng: Số câu**  **Tổng: Điểm** | | | **12**  **3,0** | **1**  **1,0** |  | **2**  **3,0** |  | **2**  **2,0** |  | **1**  **1,0** | **20**  **10,0** |
| **Tỉ lệ %** | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **70%** | | | | **30%** | | | | **100%** |

**BẢNG ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II NĂM HỌC 2024-2025, MÔN TOÁN – LỚP 8**

**THỜI GIAN: 90 PHÚT**

**HÌNH THỨC: 30% Trắc nghiệm + 70% Tự luận**

| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Phân thức đại số** | - Phân thức đại số.  - Tính chất cơ bản của phân thức đại số.  - Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia các phân thức đại số | **Nhận biết**  - Nhận biết được các khái niệm cơ bản về phân thức đại số: định nghĩa; điều kiện xác định; giá trị của phân thức đại số; hai phân thức bằng nhau.  - Nhận biết được những tính chất cơ bản của phân thức đại số.  Câu 1,2 (TN)  **Thông hiểu**  - Tìm điều kiện xác định của phân thức đại số và tính giá trị của phân thức tại giá trị của biến thoả mãn điều kiện xác định.  - Áp dụng tính chất thực hiện được các phép tính quy đồng mẫu thức, rút gọn phân thức.  - Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia đối với hai phân thức đại số.  Câu 13.1 (TL)  **Vận dụng cao**  - Viết được các biểu thức biểu thị theo yêu cầu với những dữ liệu cho trước.  - Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc đối với phân thức đại số để tính toán và giải quyết một số tình huống thực tế.  - Tìm điều kiện của biến để phân thức thỏa mãn một điều kiện cho trước.  Câu 16\* (TL) | 2TN  (0,5) | 1TL  (1,5) |  | 1TL\*  (1,0) |
| **2** | **Phương trình bậc nhất và hàm số bậc nhất** | - Phương trình bậc nhất một ẩn.  - Giải bài toán bằng cách lập phương trình.  - Hàm số bậc nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất. | **Nhận biết**  - Nhận biết được phương trình bậc nhất một ẩn.  - Nhận biết được những mô hình thực tế dẫn đến khái niệm hàm số.  - Nhận biết được hàm số bậc nhất, dạng đồ thị của hàm số bậc nhất  - Nhận biết được khái niệm hệ số góc của đường thẳng  .  Câu 3,4,5,6 (TN)  Câu 13.2 (TL)  **Vận dụng**  - Giải được phương trình bậc nhất một ẩn  - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với phương trình bậc nhất (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, các bài toán liên quan đến Hoá học,...).  - Vẽ được đồ thị của hàm số bậc nhất .  - Vận dụng được hàm số bậc nhất và đồ thị vào giải quyết một số bài toán thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) (ví dụ: bài toán về chuyển động đều trong Vật lí,...).  Câu 14 (TL)  **Vận dụng cao**  Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với phương trình bậc nhất.  Câu 16\*(TL) | 4TN  (1,0)  1TL  (1,0) |  | 1TL  (1,0) | 1TL\*  (1,0) |
| **3** | **Mở đầu về tính xác suất của biến cố** | - Kết quả có thể, kết quả thuận lợi.  - Tính xác suất của biến cố bằng tỉ số. | **Nhận biết**  - Xác định kết quả có thể của hành động, thực nghiệm.  - Xác định các kết quả thuận lợi cho một biến cố liên quan tới hành động, thực nghiệm  - Tính xác suất bằng tỉ số giữa số kết quả thuận lợi cho biến cố và số kết quả có thể trong trường hợp các kết quả có thể là đồng khả năng.  Câu 7,8 (TN) | 2TN  (0,5) |  |  |  |
| **4** | **Tam giác**  **đồng dạng** | - Hai tam giác đồng dạng.  - Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác.  - Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông.  - Hình đồng dạng.  - Định lý Pythagore và ứng dụng. | **Nhận biết**  - Nhận biết hai tam giác đồng dạng và các tính chất của chúng.  - Nhận biết hai hình đồng dạng; nhận biết hai hình đồng dạng phối cảnh.  - Nhận biết được vẻ đẹp trong tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo,… biểu hiện qua hình đồng dạng.  - Nhận biết được định lý Pythagore.  - Nhận biết được bộ ba số là số đo ba cạnh của một tam giác vuông.  Câu 9,10 (TN)  **Thông hiểu**  - Biết vẽ hình đơn giản theo yêu cầu  - Tính độ dài cạnh trong tam giác vuông bằng cách sử dụng định lí Pythagore.  Câu 15a (TL)  **Vận dụng**  - Chứng minh đẳng thức thông qua chứng minh hai tam giác đồng dạng.  Câu 15b (TL) | 2TN  (0,5) | 1TL  (1,5) | 1TL  (1,0) |  |
| **5** | **Một số hình khối trong thực tiễn** | Hình chóp tam giác đều, hình chóp tứ giác đều. | **Nhận biết**  - Nhận biết đỉnh, mặt đáy, mặt bên, cạnh bên, đường cao, trung đoạn của hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều.  - Tính được diện tích xung quanh hoặc thể tích của hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều khi biết các yếu tố.  Câu 11.12 (TN) | 2TN  (0,5) |  |  |  |
| **Tổng** | | |  | 13 | 2 | 2 | 1 |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70%** | | **30%** | |

***Lưu ý:*** Trong nội dung kiến thức 1TL\*: Chỉ được chọn 1 câu mức dộ vận dụng cao ở một trong hai nội dung: 1 hoặc 2

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| NGƯỜI RA ĐỀ  Đặng Việt Hùng | NGƯỜI THẨM ĐỊNH  Nguyễn Bích Ngọc | LÃNH ĐẠO DUYỆT  Đường Mạnh Hà |